

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS- ST

Ngày: 21-01-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhân
2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19A/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Thái Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

1.2. Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh K; ủy quyền cho ông Thái Văn N theo văn bản ủy quyền đề ngày 23/11/2021.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh Th, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn ông Thái Văn N và bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Vào ngày 18/8/2019 ông Trần Minh Th có mượn tiền của vợ chồng ông N, bà T để làm ăn, ông Th có viết biên nhận số tiền 100.000.000 đồng. Vào ngày

25/2/2020 ông Th có hỏi mượn thêm 20.000.000 đồng (trong đó có 11.500.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K) . Khi hỏi mượn tiền ông Th có hẹn 1 năm để trả 100.000.000 đồng và hẹn 2 tháng sẽ trả số tiền 20.000.000 đồng nhưng đến nay chỉ trả được 11.500.000 đồng. Nay yêu cầu ông Th trả 100.000.000 đồng và 8.500.000 đồng, tổng cộng là 108.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại các lời khai, Bị đơn ông Trần Minh Th trình bày: Ông thống nhất có mượn tiền của ông N, bà T 2 lần cụ thể vào ngày 18/8/2019 là 100.000.000 đồng; vào ngày 25/2/2020 có hỏi mượn thêm 20.000.000 đồng (trong đó có 11.500.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K), cả 2 lần có viết biên nhận. Nay ông đã trả được 11.500.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng và 8.500.000 đồng, tổng cộng là 108.500.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông N, bà T yêu cầu ông Th trả số tiền là 120.000.000 đồng nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Tại phiên tòa, ông N, bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 11.500.000 đồng, chỉ yêu cầu 108.500.000 đồng. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông N, bà T.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Th thừa nhận có vay của ông N, bà T 2 lần cụ thể vào ngày 18/8/2019 là 100.000.000 đồng; vào ngày 25/2/2020 có hỏi mượn thêm 20.000.000 đồng (trong đó có 11.500.000 đồng và 02 chỉ vàng 24K), cả 2 lần có viết biên nhận, sau đó đã trả được 11.500.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng và 8.500.000 đồng đến nay chưa trả. Tại phiên tòa, hai bên cũng thống nhất 02 chỉ vàng tính ra là 8.500.000 đồng, còn nợ lại tổng số tiền là 108.500.000 đồng. Sự việc được các bên thừa nhận nên HĐXX căn cứ Điều 92 (*quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đó là sự thật. Vì vậy, ông N, bà T khởi kiện yêu cầu ông Th trả số tiền trên là có cơ sở theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với số tiền lãi do ông N, bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về yêu cầu xin trả dần hàng tháng của ông Th do hoàn cảnh khó khăn không được phía ông N, bà T chấp nhận nên HĐXX không có cơ sở để ghi nhận mà buộc ông Th phải có nghĩa vụ trả một lần đối với số tiền là 108.500.000 đồng.

Kể từ ngày ông N, bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Th không trả số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là: $108.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.425.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho ông Thái Văn N, bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003616 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn N, bà Nguyễn Thị Mộng T về việc “*tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với ông Trần Minh Th.

Buộc ông Trần Minh Th có nghĩa vụ trả cho ông N, bà T số tiền là 108.500.000 đồng.

Kể từ ngày ông N, bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Th không trả số tiền trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông N, bà T đối với số tiền là 11.500.000 đồng.

3- Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn ông Th phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là: 5.425.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Thái Văn N, bà Nguyễn Thị Mộng T số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 0003616 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm